

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2017

LƯU TÀI CHÍNH

M.S.D.N

MỤC LỤC

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 - 25

TR
K
TL
LIÊN

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 4 (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Trần Văn Huy	Chủ tịch
Ông Nguyễn Thế Hùng	Ủy viên
Ông Phan Huy Thành	Ủy viên
Ông Nguyễn Văn Bốn	Ủy viên
Ông Nguyễn Thế Tam	Ủy viên

Ban Kiểm soát

Bà Trần Thị Thu Lan	Trưởng ban
Ông Nguyễn Năng Đồng	Thành viên
Bà Lê Thị Dung	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Thế Hùng	Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Bốn	Phó Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 01/12/2017)
Ông Nguyễn Ngọc Ân	Phó Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 04/04/2017)
Ông Phạm Văn Tạo	Phó Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 04/04/2017)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Trong việc lập các Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH QUỐC TẾ

International Auditing and Financial Consulting Company Limited

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Center Building - Hapulico Complex, Số 1 Nguyễn Huy Tưởng, Q. Thanh Xuân, Hà Nội
Address: 15th Floor, Center Building - Hapulico Complex, No. 1 Nguyen Huy Tuong Str., Thanh Xuan Dist., Hanoi
Tel: (+84) 24 666 42 777 Fax: (+84) 24 666 43 777 Email: ifc@ifcvietnam.com.vn Website: www.ifcvietnam.com.vn

Số : 020601/2018/BCKT-IFC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 4**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính giữa kèm theo của Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 4 (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 06 tháng 02 năm 2018, từ trang 5 đến trang 25, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 4 tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Nguyễn Nam Cường
Phó Tổng Giám đốc
Chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 1950-2018-072-01
Hà Nội, ngày 06 tháng 02 năm 2018

Nguyễn Huy Hùng
Kiểm toán viên
Chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 2335-2018-072-01



Thành viên hãng **agn** International / Member Firm of **agn** International

Kiểm toán/Audit. Kế toán/Accounting. Tư vấn thuế/Tax Consulting. Tài chính/Finance

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		22.955.420.553	40.234.239.338
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	4.885.372.393	173.628.285
1. Tiền	111		381.669.615	173.628.285
2. Các khoản tương đương tiền	112		4.503.702.778	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2	949.937.780	939.246.300
1. Chứng khoán kinh doanh	121		1.950.812.606	1.950.812.606
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(1.000.874.826)	(1.011.566.306)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		13.664.852.291	26.849.054.487
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	11.581.941.604	22.938.777.239
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	558.993.029	198.174.214
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	1.603.197.440	3.791.382.816
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(79.279.782)	(79.279.782)
IV. Hàng tồn kho	140		3.319.504.361	12.231.151.722
1. Hàng tồn kho	141	V.6	3.319.504.361	12.231.151.722
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		135.753.728	41.158.544
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		135.469.144	41.158.544
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.11a	284.584	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		5.882.043.025	6.501.408.772
I. Tài sản cố định	220		3.258.210.938	3.631.330.731
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	3.258.210.938	3.631.330.731
- Nguyên giá	222		10.510.952.023	10.932.371.293
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(7.252.741.085)	(7.301.040.562)
II. Đầu tư tài chính dài hạn	250		2.380.952.381	2.500.000.000
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.8	2.380.952.381	2.500.000.000
III. Tài sản dài hạn khác	260		242.879.706	370.078.041
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		242.879.706	370.078.041
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		28.837.463.578	46.735.648.110

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

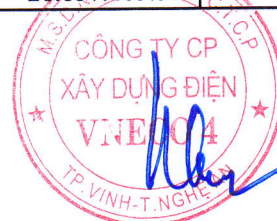
NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		13.210.836.553	29.655.533.149
I. Nợ ngắn hạn	310		13.210.836.553	29.655.533.149
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.9	3.555.265.203	11.105.761.770
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.10	1.837.263.503	1.205.459.346
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.11b	531.466.957	855.413.321
4. Phải trả người lao động	314		3.606.259.043	6.187.189.628
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.12	200.186.760	359.901.812
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.13	1.314.874.145	1.374.849.036
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.15	-	5.926.830.275
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.14	754.927.082	1.216.855.705
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.410.593.860	1.423.272.256
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		15.626.627.025	17.080.114.961
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.16	15.626.627.025	17.080.114.961
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		10.280.000.000	10.280.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		10.280.000.000	10.280.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		3.845.867.448	3.787.988.821
3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		205.012.735	118.194.795
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		1.295.746.842	2.893.931.345
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		288.084.390	-
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		1.007.662.452	2.893.931.345
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		28.837.463.578	46.735.648.110



Phùng Thị Thu
 Người lập
 Ngày 06 tháng 02 năm 2018



Nguyễn Thế Tam
 Kế toán trưởng



Nguyễn Thế Hùng
 Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2017	Năm 2016
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	45.368.822.756	39.648.866.191
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	45.368.822.756	39.648.866.191
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	42.205.665.186	33.909.397.993
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		3.163.157.570	5.739.468.198
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	619.394.210	214.256.494
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	79.502.807	451.511.304
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		89.340.856	214.092.804
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	3.825.408.174	4.599.809.612
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(122.359.201)	902.403.776
11. Thu nhập khác	31	VI.6	1.545.652.866	2.857.141.945
12. Chi phí khác	32	VI.7	272.274.971	170.292.120
13. Lợi nhuận khác	40		1.273.377.895	2.686.849.825
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		1.151.018.694	3.589.253.601
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.8	143.356.242	695.322.256
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		1.007.662.452	2.893.931.345
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	843	2.421
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		843	2.421

Phùng Thị Thu
Người lập
Ngày 06 tháng 02 năm 2018

Nguyễn Thế Tam
Kế toán trưởng



Nguyễn Thế Hùng
Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

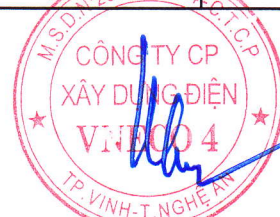
Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2017	Năm 2016
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	61.262.540.667	43.746.551.754
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(30.716.754.105)	(31.021.512.785)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(11.757.432.586)	(8.203.896.632)
4. Tiền lãi vay đã trả	04	(89.340.856)	(204.200.005)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	(836.042.135)	(457.208.529)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	1.288.615.946	2.520.865.911
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(6.827.642.926)	(5.810.283.765)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	12.323.944.005	570.315.949
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(198.250.000)	(39.800.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	96.440.455	123.818.181
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	189.240.000	220.000.000
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	283.199.923	214.256.494
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	370.630.378	518.274.675
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ đi vay	33	10.047.795.487	27.365.184.261
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(15.974.625.762)	(28.409.888.781)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(2.056.000.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(7.982.830.275)	(1.044.704.520)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	4.711.744.108	43.886.104
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	173.628.285	129.742.181
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	4.885.372.393	173.628.285

Phùng Thị Thu
Người lập

Ngày 06 tháng 02 năm 2018

Nguyễn Thế Tam
Kế toán trưởng



Nguyễn Thế Hùng
Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 4 (gọi tắt là “Công ty”) là công ty con của Tổng công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam, được thành lập theo Quyết định số 121/2003/QĐ-BCN ngày 11 tháng 7 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương) về việc chuyển Xí nghiệp Cơ điện thuộc Công ty Xây lắp điện 3 (nay là Tổng công ty Cổ phần xây dựng điện Việt Nam) thành Công ty Cổ phần Xây lắp điện 3.4. Sau đó, Công ty được đổi tên thành Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO4 theo Quyết định số 03QĐ/XLD 3.4-HĐQT ngày 28/02/2006 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Xây lắp điện 3.4. Công ty hoạt động kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2900574674 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp ngày 17 tháng 05 năm 2011 và các lần thay đổi. Hiện nay, Công ty đang hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2900574674 thay đổi lần thứ 7 ngày 11 tháng 01 năm 2016.

Vốn điều lệ của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 10.280.000.000 đồng, được chia thành 1.028.000 cổ phần bằng nhau, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 77.

Cổ phiếu của Công ty được giao dịch tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã giao dịch là VE4.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Lắp đặt hệ thống điện;
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao;
- Phá dỡ;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Bốc xếp hàng hóa;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại;
- Xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ; và
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác...

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN**Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Các Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

II. ÁP DỤNG CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Công ty áp dụng Chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC. Đồng thời, Công ty đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Hình thức kế toán áp dụng: Nhật ký chung.

III. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính này:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư chứng khoán

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản đầu tư chứng khoán và được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư chứng khoán.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư chứng khoán.

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư chứng khoán tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***III. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)****Nợ phải thu (Tiếp theo)**

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hữu hình hình thành do đầu tư xây dựng theo phương thức giao thầu, nguyên giá là giá quyết toán công trình đầu tư xây dựng và các chi phí liên quan trực tiếp khác.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	12 - 40
Máy móc thiết bị	04 - 14
Phương tiện vận tải	08 - 12

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ hoạt động.

 17
 ON
 NH
 M
 AN
 QUI
 XU

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

III. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Doanh nghiệp sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán;
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***III. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)****Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

IV. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>31/12/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tiền mặt	62.853.336	10.931.973
Tiền gửi ngân hàng	318.816.279	162.696.312
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn 1 tháng	4.503.702.778	-
Cộng	<u>4.885.372.393</u>	<u>173.628.285</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

2. Đầu tư tài chính ngắn hạn

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND
Chứng khoán kinh doanh				
Công ty Cổ phần Đầu tư & Xây dựng VNECO 9 (VE9)	3.011.852	1.324.400	(1.687.452)	3.011.852
Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam (VNE)	1.947.800.754	948.613.380	(999.187.374)	1.947.800.754
Cộng	1.950.812.606	949.937.780	(1.000.874.826)	1.950.812.606
				Giá trị hợp lý VND
				Dự phòng VND
				(1.003.052)
				(1.010.563.254)
				(1.011.566.306)

Chi tiết số lượng cổ phần nắm giữ

Công ty Cổ phần Đầu tư & Xây dựng VNECO 9 (VE9)
Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam (VNE)

31/12/2017		01/01/2017	
Cổ phần		Cổ phần	
	301		301
	124.982		124.982

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
a. Phải thu ngắn hạn của khách hàng		
Tổng công ty cổ phần xây dựng điện Việt Nam	10.542.671.291	9.305.636.777
Công ty truyền tải điện 1	-	11.978.721.899
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 8	-	47.467.594
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 2	-	441.739.921
Các khoản phải thu khách hàng khác	1.039.270.313	1.165.211.048
Cộng	11.581.941.604	22.938.777.239
b. Phải thu khách hàng là các bên liên quan (Xem tại Thuyết minh VII.2 - Thông tin các bên liên quan)	10.542.671.291	9.794.844.292
Cộng	10.542.671.291	9.794.844.292

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Công ty TNHH Xây lắp Thương mại Tín Đạt	250.198.897	-
Đậu Minh Thông	161.368.105	-
Công ty CP đầu tư TM và xây lắp An Bình ABICO Việt Nam	112.915.500	-
Doanh nghiệp tư nhân Đức Tài	-	75.000.000
Đối tượng khác	34.510.527	123.174.214
Cộng	558.993.029	198.174.214

5. Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Phải thu người lao động	94.174.634	151.918.376
Tạm ứng	780.932.516	3.609.309.143
Phải thu khác	728.090.290	30.155.297
Phải thu tiền cổ tức	262.491.000	-
Phải thu tiền đền bù thay ban A	251.402.310	300.000
Các khoản phải thu khác	214.196.980	29.855.297
Cộng	1.603.197.440	3.791.382.816

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

6. Hàng tồn kho

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	144.866.891	-	1.405.490.473	-
Công cụ, dụng cụ	219.137.641	-	19.734.100	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	2.955.499.829	-	10.805.927.149	-
Cộng	3.319.504.361	-	12.231.151.722	-

7. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ				
Tại ngày 01/01/2017	3.090.779.699	3.361.838.530	4.479.753.064	10.932.371.293
Mua trong năm	-	318.522.727	-	549.772.727
Thanh lý, nhượng bán	37.858.740	616.954.257	85.129.000	739.941.997
Tại ngày 31/12/2017	3.052.920.959	3.063.407.000	4.394.624.064	10.510.952.023
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Tại ngày 01/01/2017	1.851.694.259	2.653.104.332	2.796.241.971	7.301.040.562
Khấu hao trong năm	79.628.888	239.044.247	372.969.385	691.642.520
Thanh lý, nhượng bán	37.858.740	616.954.257	85.129.000	739.941.997
Tại ngày 31/12/2017	1.893.464.407	2.275.194.322	3.084.082.356	7.252.741.085
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 01/01/2017	1.239.085.440	708.734.198	1.683.511.093	3.631.330.731
Tại ngày 31/12/2017	1.159.456.552	788.212.678	1.310.541.708	3.258.210.938

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, nguyên giá của tài sản cố định đã khấu hao hết còn sử dụng là 3.097.883.574 đồng.

Giá trị còn lại của tài sản cầm cố thế chấp cho các hợp đồng vay tại 31 tháng 12 năm 2017 là 2.319.703.535 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

8. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác là khoản đầu tư cổ phần Công ty Cổ phần Sông Ba (mã chứng khoán SBA).

Biến động của khoản đầu tư trong năm 2017

	Số lượng cổ phần	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
Tại ngày 01/01/2017	262.500	2.500.000.000	2.800.668.828	-
Bán cổ phiếu trong năm	12.500	119.047.619	-	-
Tại ngày 31/12/2017	250.000	2.380.952.381	4.087.500.000	-

9. Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
a. Phải trả người bán ngắn hạn		
Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO3	1.186.091.603	2.901.773.580
Công ty Cổ phần Cơ khí - Thương mại Xây lắp điện 4	816.982.742	-
Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO2	126.640.869	3.389.118.259
Xí nghiệp cơ khí 59 - Công ty 27	180.741.577	1.760.019.328
Công ty TNHH Xây lắp Thương mại Tín Đạt	-	383.624.332
Công ty TNHH MTV Thành An 117	409.302.853	-
Các nhà cung cấp khác	835.505.559	2.671.226.271
Cộng	3.555.265.203	11.105.761.770

b. Phải trả người bán là các bên liên quan (Xem chi tiết tại Thuyết minh số VII.2 - Thông tin các bên liên quan) **1.312.732.472** **6.290.891.839**

Công ty xác định có khả năng trả nợ 100% tất cả các khoản nợ phải trả người bán khi đến hạn.

10. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
a. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		
Tổng công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam	1.737.263.503	666.129.040
Công ty Truyền tải Điện 1	-	539.330.306
Đối tượng khác	100.000.000	-
Cộng	1.837.263.503	1.205.459.346

b. Phải trả người bán là các bên liên quan (Xem chi tiết tại Thuyết minh số VII.2 - Thông tin các bên liên quan) **1.737.263.503** **666.129.040**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

11. Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước

	01/01/2017	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp/khấu trừ trong kỳ	31/12/2017
	VND	VND	VND	VND
a. Các khoản phải thu				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	284.584	284.584
Cộng	-	-	284.584	284.584
b. Các khoản phải trả				
Thuế giá trị gia tăng	157.306.359	4.567.723.493	4.194.912.894	530.116.958
Thuế thu nhập doanh nghiệp	692.685.893	143.356.242	836.042.135	-
Thuế thu nhập cá nhân	5.421.069	91.799.490	95.870.560	1.349.999
Thuế tiền thuê đất	-	289.493.872	289.493.872	-
Thuế môn bài	-	3.000.000	3.000.000	-
Thuế khác	-	31.302.516	31.302.516	-
Cộng	855.413.321	5.126.675.613	5.450.621.977	531.466.957

12. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Trích trước chi phí giá vốn công trình	200.186.760	268.018.000
Các khoản trích trước khác	-	91.883.812
Cộng	200.186.760	359.901.812

13. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	90.427.248	137.276.634
Các khoản phải trả, phải nộp khác.	1.224.446.897	1.237.572.402
Cộng	1.314.874.145	1.374.849.036

14. Dự phòng phải trả ngắn hạn

	Giá trị VND
Dự phòng bảo hành công trình	
Tại ngày 01/01/2017	1.216.855.705
Trích lập dự phòng bổ sung trong năm	758.961.572
Hoàn nhập dự phòng trong năm	1.220.890.195
Tại ngày 31/12/2017	754.927.082

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO 4197 Nguyễn Trường Tộ, phường Đông Vinh,
thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An**Mẫu số B 09 - DN**Ban hành kèm theo Thông tư 200/2014/TT-BTC
Ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài Chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

	31/12/2017		Trong năm		01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
15. Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn						
Vay ngân hàng Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	-	-	10.024.568.446	15.661.045.388	5.636.476.942	5.636.476.942
Vay các đối tượng khác	-	-	23.227.041	313.580.374	290.353.333	290.353.333
Cộng	-	-	10.047.795.487	15.974.625.762	5.926.830.275	5.926.830.275
16. Vốn chủ sở hữu						
Thay đổi trong vốn chủ sở hữu						
Vốn góp của chủ sở hữu	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư tại ngày 01/01/2016	10.280.000.000	3.672.108.065	47.959.612	2.317.615.113	16.317.682.790	16.317.682.790
Lợi nhuận tăng trong năm	-	-	-	2.893.931.345	2.893.931.345	2.893.931.345
Phân phối lợi nhuận	-	115.880.756	70.235.183	(186.115.939)	(486.699.174)	(486.699.174)
Quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(486.699.174)	(1.644.800.000)	(1.644.800.000)
Trả cổ tức	-	-	-	-	2.893.931.345	17.080.114.961
Số dư tại ngày 01/01/2017	10.280.000.000	3.787.988.821	118.194.795	1.007.662.452	1.007.662.452	1.007.662.452
Lợi nhuận tăng trong năm	-	-	-	(144.696.567)	(405.150.388)	(405.150.388)
Phân phối lợi nhuận (i)	-	57.878.627	86.817.940	(405.150.388)	(2.056.000.000)	(2.056.000.000)
Quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(2.056.000.000)	1.295.746.842	15.626.627.025
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-
Số dư tại ngày 31/12/2017	10.280.000.000	3.845.867.448	205.012.735	1.295.746.842	15.626.627.025	15.626.627.025

(i) Giá trị phân phối lợi nhuận được thực hiện theo Nghị quyết đại hội cổ đông thường niên 2017 ngày 15 tháng 04 năm 2017. Ngoài ra, cũng theo Nghị quyết nêu trên, cổ tức năm 2016 chi trả bằng tiền mặt 20% vốn điều lệ tương ứng giá trị 2.056.000.000 đồng, thời gian chi trả cổ tức được thực hiện vào ngày 20 tháng 06 năm 2017.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

16. Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

Cổ phiếu

	31/12/2017	01/01/2017
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	1.028.000	1.028.000
- Cổ phiếu phổ thông	1.028.000	1.028.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu quỹ	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.028.000	1.028.000
- Cổ phiếu phổ thông	1.028.000	1.028.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

17. Báo cáo bộ phận

Công ty lựa chọn các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp.

Do doanh thu hoạt động xây lắp của Công ty chiếm hơn 98% tổng doanh thu trong kỳ. Mặt khác, Công ty không có chi nhánh, do đó Công ty không thực hiện trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
a .Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	45.368.822.756	39.648.866.191
Trong đó:		
- Doanh thu hợp đồng xây dựng	45.081.731.838	38.199.534.649
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	287.090.918	1.449.331.542
Cộng	45.368.822.756	39.648.866.191
b. Doanh thu với các bên liên quan <i>(Xem chi tiết tại Thuyết minh VII.2 - Thông tin các bên liên quan)</i>	35.377.112.986	23.650.553.412

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)

2. Giá vốn hàng bán

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Giá vốn hoạt động xây dựng	42.075.083.918	32.723.406.837
Góat vốn của dịch vụ đã cung cấp	130.581.268	1.185.991.156
Cộng	42.205.665.186	33.909.397.993

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Lãi tiền gửi	22.404.829	4.256.494
Cổ tức, lợi nhuận được chia	526.797.000	210.000.000
Lợi nhuận từ bán chứng khoán	70.192.381	-
Cộng	619.394.210	214.256.494

4. Chi phí tài chính

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Lãi tiền vay	89.340.856	214.092.804
Trích lập dự phòng chứng khoán kinh doanh	-	237.418.500
Hoàn nhập dự phòng chứng khoán kinh doanh	(10.691.480)	-
Chi phí tài chính khác	853.431	-
Cộng	79.502.807	451.511.304

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Lương và các khoản trích theo lương	2.477.261.832	3.170.677.561
Hoàn nhập dự phòng tiền lương	(337.138.880)	(816.158.744)
Hoàn nhập dự phòng nợ phải thu khó đòi	-	(21.546.222)
Chi phí khấu hao TSCĐ	82.739.724	111.660.932
Chi phí đồ dùng văn phòng	474.178.144	494.927.533
Chi phí dịch vụ mua ngoài	449.568.865	839.997.480
Chi phí bằng tiền khác	678.798.489	820.251.072
Cộng	3.825.408.174	4.599.809.612

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)

6. Thu nhập khác

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Hoàn nhập bảo hành công trình	1.174.718.425	2.586.147.049
Thu nhập từ thanh lý	96.440.455	-
Các khoản khác	274.493.986	270.994.896
Cộng	1.545.652.866	2.857.141.945

7. Chi phí khác

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Chi phí phạt hành chính	41.417.610	22.430.413
Chi phí khác	230.857.361	147.861.707
Cộng	272.274.971	170.292.120

8. Chi phí thuế TNDN hiện hành

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1.151.018.694	3.589.253.601
Chi phí không được trừ	119.296.607	84.175.866
Thu nhập không chịu thuế	647.121.381	210.000.000
Thu nhập tính thuế TNDN	623.193.920	3.463.429.467
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện tại	124.638.784	692.685.893
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành năm nay	18.717.458	2.636.363
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	143.356.242	695.322.256

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế	1.007.662.452	2.893.931.345
Trừ: Trích quỹ khen thưởng phúc lợi ước tính (i)	(141.072.743)	(405.150.388)
Lợi nhuận/(lỗ) để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	866.589.709	2.488.780.957
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.028.000	1.028.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	843	2.421

(i) Quỹ khen thưởng phúc lợi ước tính của năm 2017 là 14% của lợi nhuận năm 2017. Tỷ lệ lợi nhuận ước tính là tỷ lệ trích quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2016 được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Công ty thực hiện điều chỉnh hồi tố chỉ tiêu lãi cơ bản trên cổ phiếu do ảnh hưởng của việc trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi.

	Số báo cáo	Điều chỉnh	Số sau điều chỉnh
Lợi nhuận/(Lỗ) để tính lãi cơ bản	2.893.931.345		2.893.931.345
Trừ: Quỹ khen thưởng phúc lợi	613.331.243	(208.180.855)	405.150.388
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.280.600.102		2.488.780.957
Số bình quân gia quyền cổ phiếu	1.028.000		1.028.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.218	(208.180.855)	2.421

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	7.779.877.186	14.858.439.418
Chi phí nhân công	12.450.130.697	12.357.482.496
Chi phí khấu hao tài sản cố định	691.642.520	728.247.604
Chi phí máy thi công	605.441.939	338.636.364
Chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác	15.592.333.657	1.263.558.961
Cộng	37.119.425.999	29.546.364.843

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VII. THÔNG TIN KHÁC

1. Thông tin các bên liên quan

Danh sách các bên liên quan

Bên liên quan

Tổng Công ty CP Xây dựng điện Việt Nam
Công ty CP Xây dựng điện VNECO1
Công ty CP Xây dựng điện VNECO2
Công ty CP Xây dựng điện VNECO3
Công ty CP Xây dựng điện VNECO8
Ông Trần Văn Huy
Ông Phan Huy Thành
Ông Nguyễn Văn Bốn
Ông Nguyễn Thế Tam
Ông Nguyễn Thế Hùng
Bà Trần Thị Thu Lan
Ông Nguyễn Năng Đồng
Bà Lê Thị Dung

Mối quan hệ

Công ty mẹ
Cùng Công ty mẹ
Cùng Công ty mẹ
Cùng Công ty mẹ
Cùng Công ty mẹ
Chủ tịch HĐQT
Ủy viên HĐQT
Ủy viên HĐQT
Ủy viên HĐQT
Ủy viên HĐQT
Trưởng Ban kiểm soát
Thành viên Ban kiểm soát
Thành viên Ban kiểm soát

Trong năm Công ty có các giao dịch với các bên liên quan như sau:

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Bán hàng	35.377.112.986	23.650.553.412
Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam	35.377.112.986	21.966.603.573
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 8	-	510.995.391
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 2	-	1.172.954.448
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 3	-	4.545.455
Mua hàng	819.457.152	8.255.065.816
Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 3	781.380.021	4.401.386.740
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 2	38.077.131	3.853.679.076

Số dư với các bên liên quan:

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Các khoản phải thu	10.542.671.291	9.794.844.292
Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam	10.542.671.291	9.305.636.777
Công ty Cổ phần xây dựng điện VNECO2	-	441.739.921
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 8	-	47.467.594
Các khoản phải trả người bán	1.312.732.472	6.290.891.839
Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO2	126.640.869	3.389.118.259
Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO3	1.186.091.603	2.901.773.580
Người mua trả tiền trước	1.737.263.503	666.129.040
Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam	1.737.263.503	666.129.040

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***VII. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)****2. Thông tin các bên liên quan***Thu nhập Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc được hưởng trong năm như sau:*

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Thu nhập của Hội đồng quản trị và Ban giám đốc	1.104.142.414	846.746.120
Cộng	1.104.142.414	846.746.120

3. Sự kiện phát sinh sau ngày lập báo cáo

Không có sự kiện phát sinh sau ngày lập Báo cáo tài chính cần điều chỉnh hoặc công bố trên thuyết minh Báo cáo tài chính.

4. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn tài chính Quốc tế.

**Phùng Thị Thu**
Người lập

Ngày 06 tháng 02 năm 2018

**Nguyễn Thế Tam**
Kế toán trưởng**Nguyễn Thế Hùng**
Giám đốc